

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 9 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh

2. Bà Dương Thị Lan Anh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc -Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01 /2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, năm sinh 1984

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nay là: Thôn K, xã B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Trường A, năm sinh 1985

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nay là: Thôn K, xã B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Trường A tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/5/2025 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Nay là UBND xã T, tỉnh Lai Châu. Sau kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn. Đến tháng 10 năm 2018 anh A tự ý bỏ nhà đi, chị T cũng không biết vì sao anh A bỏ nhà đi. Chị và gia đình đã đi tìm và liên lạc với anh em bạn bè của anh A nhưng không tìm được, chị đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm anh A

nhưng đều không có kết quả, không có tin tức xác thực anh A còn sống hay đã chết. Chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh A mất tích. Đến ngày 04/4/2025 Tòa án đã ban hành quyết định Tuyên bố anh Hoàng Trường A mất tích. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Trường A để đảm bảo cuộc sống riêng của chị.

- Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Trần Thị T và anh Hoàng Trường A có 01 con chung là cháu Hoàng Trường S, sinh ngày 12/6/2015, hiện cháu S đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị T làm nghề tự do, thu nhập một tháng khoảng 7.000.000 đồng, có nhà ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng vẫn không tiến hành lấy lời khai của anh A được và không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi con khi ly hôn giữa chị T và anh A.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Hoàng Trường S có nguyện vọng được ở với chị Trần Thị T.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã mất tích nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục theo qui định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Hoàng Trường A.

+ Về con chung: Giao cháu Hoàng Trường S sinh ngày 12/6/2015 cho chị Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Trường A không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản: Không đề cập giải quyết.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo qui định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn đối với anh Hoàng Trường A có địa chỉ cuối cùng tại thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nay là: Thôn K, xã B, tỉnh Lào Cai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Bắc Hà. Nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị T, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng vụ án dân sự như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập hai lần cho từng giai đoạn tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để anh A có ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T và phải có mặt tại trụ sở Tòa án để khai về mối quan hệ hôn nhân, nuôi con khi ly hôn giữa anh A và chị T, nhưng anh A vắng mặt; đồng thời, sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Hoàng Trường A là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nay là: Thôn K, xã B, tỉnh Lào Cai. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến tháng 10 năm 2018 anh A tự ý bỏ nhà đi, chị T đã tìm ở nhiều nơi, anh em bạn bè, người thân nhưng không ai biết anh A đi đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh A mất tích, ngày 04/4/2025 Tòa án đã ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự, cụ thể: Tuyên bố anh Hoàng Trường A mất tích. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh A chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Trần Thị T và anh Hoàng Trường A có 01 con chung: Cháu Hoàng Trường S, sinh ngày 12/6/2015. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị T làm nghề tự do, có thu nhập và nhà ở ổn định; từ ngày anh A bỏ đi thì cháu S vẫn ở cùng với chị T; cháu S có ý kiến xin được ở với chị T. Vì vậy, việc chị T đề nghị Tòa án giải quyết

cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu S cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Trần Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1,3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Hoàng Trường A. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh A chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Hoàng Trường S, sinh ngày 12/6/2015 cho chị Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh Hoàng Trường A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Trần Thị T phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003965 ngày 24/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn - đề nghị yết (3);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 9-Lào Cai (2);
- Thi hành án DS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Tân Uyên, tỉnh Lai Châu;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương